

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025)
LỚP K16A-D1A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht : 5 5 5 3								
				Số thứ tự : (1) (2) (3) (4)								
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011000	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/05/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
2	16011001	Tô Thị Kiều	Anh	21/02/2003	8.2	8.3	7.8	8.4	8.2	Giỏi		
3	16011007	Đặng Linh	Chi	19/09/2004	7.9	8.3	7.5	7.7	7.9	Khá		
4	16011004	Võ Thanh	Cường	29/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
5	16011003	Nguyễn Minh Tiến	Đạt	21/06/2003	8.3	6.4	8.2	7.7	7.6	Khá		
6	16011004	Nguyễn Kim	Dung	05/10/1993	8.6	8.5	8.3	3.2	7.6	Khá		1=25.0%(4:0)
7	16011008	Kiều Trần Tùng	Dương	01/08/2004	7.9	1.4	7.9	2.4	5.2	Trung bình		2=50.0%(2:0)(4:0)
8	16011021	Hạ Ánh	Dương	11/10/2004	8.0	8.4	7.9	8.0	8.1	Giỏi		
9	16011008	Vũ Thị Hương	Giang	16/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
10	16011000	Ngô Thị Thu	Hà	20/03/2003	8.5	8.4	7.7	8.6	8.3	Giỏi		
11	16011008	Nguyễn Thị	Hải	07/04/2004	8.0	8.4	7.6	8.3	8.1	Giỏi		
12	16011007	Cử Thu	Hằng	11/09/2003	2.9	0.0	4.9	2.8	2.6	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
13	16011001	Nguyễn Thị	Hạnh	18/03/2003	7.7	8.2	7.1	7.9	7.7	Khá		
14	16011006	Trần Thị Thu	Hiền	02/05/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
15	16011002	Nguyễn Thanh	Hoa	05/05/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
16	16011004	Đặng Thị	Hoàn	03/07/2003	8.1	8.3	7.9	8.0	8.1	Giỏi		
17	16011038	Bùi Đăng	Hoàng	10/09/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
18	16011002	Lê Thị	Hội	06/05/1987	7.9	8.5	8.1	8.4	8.2	Giỏi		
19	16011000	Hoàng Thị	Lệ	22/12/2000	8.2	8.5	8.0	8.3	8.2	Giỏi		

				Số Đvht :				5	5	5	3		
				Số thứ tự :				(1)	(2)	(3)	(4)		
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
20	16011000	Hoàng Thảo	Linh	26/12/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
21	16011002	Lê Thị Phương	Linh	07/02/2003	8.3	8.3	7.2	7.6	7.9	Khá			
22	16011002	Đào Thị	Linh	29/08/2002	8.3	8.1	7.7	6.7	7.8	Khá			
23	16011003	Nguyễn Thị	Linh	29/12/2003	2.9	8.6	7.5	3.2	5.8	Trung bình		2=50.0%(4:0)	
24	16011003	Hoàng Khánh	Linh	27/03/2003	8.5	8.5	8.7	8.7	8.6	Giỏi			
25	16011005	Hoàng Thị Hoài	Linh	08/06/2004	8.1	8.3	7.3	8.0	7.9	Khá			
26	16011005	Nguyễn Thị Thu	Lụa	19/05/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
27	16011007	Nguyễn Thị Hồng	Ly	18/12/2004	7.9	8.2	7.7	8.6	8.0	Giỏi			
28	16011006	Trương Trà	My	27/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 9 (32.1%), Khá: 7 (25.0%), T.bình khá: 0 (0.0%), Trung bình: 2 (7.1%), Yếu: 10 (35.7%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) BC: BÀO CHẾ

(2) TCQLD - PCD: TCQL DƯỠC VÀ PC DƯỠC (3) DLLS: DƯỠC LÝ LÂM SÀNG

(4) QLTT-ĐBCLT: QL TỒN TRỮ VÀ ĐBCLT